

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2021/HS-ST
Ngày 26-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thủy - Giáo viên trường THCS xã Tân Lễ

2. Ông Nguyễn Đức Nghị - Cán bộ hưu trí xã Hòa Tiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Trung Đức - T5 ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 113/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 26 - 6 - 2004, tại huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tự T1, sinh năm 1963 và bà Dương Thị T2, sinh năm 1971; bị cáo chưa có chồng, con; gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, Tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26 - 7 - 2021, hiện đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Thái Bình, được trích xuất - có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo H:* Ông Nguyễn Tự T1, sinh năm 1963 và bà Dương Thị T2, sinh năm 1971; Điều cư trú: Thôn D, xã T, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình (là bố mẹ đẻ bị cáo) - đều có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo H:* Ông Đào Quang Nghị - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình (có mặt).

2. Phạm Văn L, sinh ngày 22 - 5 - 2005, tại huyện L, tỉnh H Nam; Nơi cư trú: Thôn 9 Đ, xã C2, huyện L, tỉnh H Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không;

Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1982; bị cáo chưa có vợ, con; gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, Tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26-7-2021, hiện đang tại ngoại - có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo L:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1982; Điều cư trú Thôn 9 Đ, xã C2, huyện L, tỉnh H Nam (là bố mẹ đẻ bị cáo) - đều có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo L:* Ông Đào Quang Nghị - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình (có mặt).

* **Bị hại:** Cháu Vũ Thị Hoài T3, sinh ngày 04-5-2006

Nơi cư trú: Thôn T4, xã N, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- *Người đại diện theo pháp luật cho cháu T3:* Anh Vũ Văn P, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn 4, xã N, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

(Cháu T3 và anh P có đơn xin vắng mặt).

- *Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho cháu T3:* Bà Trần Thị Liễu trợ giúp viên pháp lý NH nước thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình (có mặt).

* *Người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:*

1. Cháu Trần Thị Minh T5, sinh ngày 22-8-2005

- Người đại diện theo pháp luật cho cháu T5: Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1968; Điều cư trú: Thôn G, xã H, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình.

2. Cháu Nguyễn Thị Mai H1, sinh ngày 01-11-2007

- Người đại diện theo pháp luật cho cháu H1: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1952; Điều cư trú: Thôn Đ, xã H2, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình.

3. Cháu Trần Ngọc N, sinh ngày 09-6-2005

- Người đại diện theo pháp luật cho cháu N: Ông Trần Ngọc Q, sinh năm 1981; Điều cư trú: Thôn D, xã T, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình.

(đều vắng mặt).

* *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Nam C, sinh ngày 28-10-2003; Nơi cư trú: Thôn M3, xã T6, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Bích T7, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Ấp 10, xã V A, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Cháu Vũ Thị Hoài T3, sinh ngày 04-5-2006, nơi cư trú: thôn T4, xã N, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa với Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 26-6-2004, nơi cư trú: thôn D, xã T, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình và

Trần Thị Minh T5, sinh ngày 22-8-2005, nơi cư trú: thôn G, xã H, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình, là bạn và cùng làm ở thành phố Hải Phòng. Do tình hình dịch bệnh Covid-19, không có việc làm nên T5 rủ T3 về huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình chơi. H về huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình trước và cùng với Nguyễn Thị Mai H1, sinh ngày 01-01-2007, nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình thuê phòng trọ tại tổ dân phố T, thị trấn Hưng H, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình do chị Đinh Thị Thành là chủ, để ở. Sáng ngày 19-7-2021, T5 và T3 từ thành phố Hải Phòng về huyện Hưng H, T5 bảo H và H1 cho T5, T3 ở tại phòng trọ. Sau đó, T5 giới thiệu T3 làm quen với Nguyễn Nam C, sinh ngày 28-10-2003, nơi cư trú: thôn M3, xã T6, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình (là bạn T5), T3 và C nảy sinh tình cảm nam nữ. Tối ngày 21-7-2021, C và T3 đã quan hệ tình dục với nhau, việc quan hệ tình dục giữa C và T3 cả hai đều hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Trưa ngày 22-7-2021, do biết việc T3 nhắn tin với bạn ở thành phố Hải Phòng nói xấu T5 về việc khi về huyện Hưng H chơi, T3 không được T5 và các bạn cho ăn uống đầy đủ. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, tại phòng trọ, T5 hỏi T3 về việc nói xấu T5 với bạn, T3 không thừa nhận nên T5 đã dùng tay tát và dèp C su vệt nhiều nhất vào vùng mặt T3, H và H1 dùng tay tát vào vùng mặt T3. Sau đó, T5 bắt T3 nằm ra giường rồi cùng H1, H liên tục dùng tay đánh, tát vào vùng mặt T3 và lăng mạ T3. H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X của H vừa quay video vừa đánh T3. T3 xin lỗi, nhưng cả H1, H, T5 vẫn tiếp tục đánh, T5 dùng chân đạp nhiều nhất vào vùng đầu, dùng tay dằm vào vùng mắt của T3. Lúc này, Trần Ngọc N, sinh ngày 09-6-2005, nơi cư trú: thôn D, xã T, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình và Phạm Văn L, sinh ngày 22-5-2005, nơi cư trú: thôn 9 Đ, xã C2, huyện L, tỉnh H Nam; Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 16-10-2005, nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình là người thuê phòng trọ bên cạnh đi sang, L và N vào trong phòng, Đ đứng ngoài cửa. Thấy H, T5, H1 đánh T3 thì L sử dụng điện thoại nhãn hiệu Vsmat Star mượn của N trước đó quay 01 đoạn Video, N đứng xem không can ngăn và không nói gì. Sau đó, H1 đưa cho T3 một hộp sữa Milo, bắt uống nhưng T3 không uống thì bị H, T5, H1 dùng tay đánh vào vùng mặt và hỏi lý do tại sao T3 lại nói xấu T5. Sau đó, T5 kéo T3 xuống dưới nền nhà để T5, H1, H đánh T3, vừa đánh H vừa dùng điện thoại quay video ghi lại cảnh đánh T3. Khi quay video, H nói “quay để đăng lên Facebook”, L nghe rõ và đồng ý. Khi quay video, T5 liên tục lăng mạ, chửi và túm tóc T3, H1 dùng tay tát, dằm vào vùng đầu và vùng mặt T3. T5 lấy chiếc thắt lưng da màu đen để ở trên mặt chiếc vali tại góc nhàn, gấp đôi lại vệt nhiều nhất vào người T3, do bị đau nên T3 nói “chị ơi, em đau quá chị tha cho em”, nhưng H, T5, H1 vẫn tiếp tục đánh T3. T5 bảo H1 vào nhàn lấy một chiếc quần màu đỏ (đã bẩn) ở trong chậu đựng quần áo,

bắt T3 tự nhét vào mồm và ngậm. Sau khi bắt T3 ngậm quần bản, H đưa điện thoại cho H1 quay để H dùng tay tát vào vùng đầu, dùng chân đá vào vùng mũi của T3 làm chảy máu. Trong lúc H quay video, T5 bảo H1 vào nhả lấy một chiếc giẻ lau bản (áo phông màu trắng thường dùng để lau bếp) và bắt T3 ngậm giẻ. H nhìn thấy một đoạn lưỡi dao (loại dao dọc giấy) để ở trên bàn bếp nên H đưa điện thoại đang ở chế độ quay video cho L để L tiếp tục quay video, L biết việc quay video sẽ đăng tải lên mạng Facebook. Trong lúc L quay video, H, T5, H1 tiếp tục vào dùng chân tay đánh T3, lúc này T3 quỳ xuống van xin “em xin lỗi, chị tha cho em” nhưng H, T5, H1 vẫn tiếp tục đánh T3. Sau đó, T5 bắt T3 đứng sát vào tường dơ hai tay lên qua đầu, bắt T3 cởi hết quần áo đang mặc trên người ra để quay Video. Lúc này, H1 bảo L đi ra ngoài, L đưa máy cho H1 để H1 tiếp tục quay, còn L và N đi về phòng. Khi về phòng, L trả điện thoại cho N và N đã tự xóa hết các video do L quay, không đăng tải, không chia sẻ cho ai. T5 đi vào nhà tắm cầm một gáo chứa nước màu đỏ hắt nước vào mặt của T3, rồi đi vào nhà tắm lấy một nắm bột giặt Ô mô mang ra bôi lên đầu, mặt và người T3. T5 cầm điện thoại đang quay video bắt T3 vừa “kêu rên” vừa phải tự sờ vú, âm hộ của mình, sau đó T3 vào nhà tắm để tắm. Lúc này, C đến phòng trợ giúp cả nhóm đi sinh nhật của Bùi Quốc H. H và H1 nói với T3 “mày ở nhà dọn dẹp, tí tao về chưa xong thì đừng có trách”, H nói với H1 “đi thì khóa cửa vào”, “khóa cửa vào không nó trốn, nhanh lên rồi đi”, H1 hiểu ý là nhốt, giữ T3 ở trong phòng không cho T3 trốn ra ngoài. H1 dùng chiếc khóa, loại khóa Việt Tiệp khóa chốt phía bên ngoài cửa ra vào. H, T5, H1, C đi đến quán karaoke Royal ở xã M, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình hát karaoke. Sau khi bị nhốt, giữ ở trong phòng, T3 đã leo, chui qua ô cửa thoát khí trên bàn bếp trốn ra bên ngoài và ở nhờ nhà một người dân gần đó. Trong lúc hát karaoke, H đã đăng tải lên bảng tin tài khoản Facebook của mình là “Hắc Thị H (Min)” 02 đoạn video quay lại sự việc trên và sử dụng ứng dụng Messenger tài khoản Facebook “Hắc Thị H (Min)” và tài khoản zalo “Heroin Min” được đăng ký bằng số điện thoại 0346.218.466 của H và H gửi toàn bộ các đoạn video quay được lưu trong máy cho T5 và anh Đỗ Văn S, sinh năm 2001, nơi cư trú: thôn T8, xã T9, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình (là bạn trên Facebook của H) tài khoản “Minh Minh”. Các đoạn video sau đó được lan truyền trên mạng xã hội. Do nhìn thấy các đoạn video được đăng tải trên facebook của H nên chị Nguyễn Thị Bích T7, sinh ngày 28-7-2000, nơi cư trú: Ấp 10, xã V A, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, hiện đang làm nhân viên quán Karaoke tại quận Đồ Sơn (làm cùng với T3, T5, H) biết được sự việc. Chị T7 đã điện thoại đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình trình báo sự việc T3 bị đánh, làm nhục.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 18/TD ngày 29/7/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Bình kết luận: “*Các dấu vết thu thập được tại thời điểm giám định: Màng trinh: giãn rộng, đường kính lớn hơn 2cm, vị trí 9h, 2h có vết rách cũ, không bầm tím, không tụ máu. Trên các tiêu bản nhuộm soi không thấy tinh trùng, xác tinh trùng. Cháu Vũ Thị Hoài T3 hiện tại không có thai. HIV âm tính.*”; Tại bản kết luận giám định pháp y về T3 tích số 168/21/TgT ngày 29/7/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Bình kết luận: “*1. Dấu hiệu chính qua giám định: Thương tích vùng mặt do vật tầy tác động làm sưng nề, biến đổi sắc tố da, bầm tím, tụ máu mi, kết mạc hai mắt; T3 tích vùng lưng do vật tầy tác động làm bầm tím da. Tỷ lệ tổn T3 cơ thể do T3 tích gây nên tại thời điểm giám định là: 01 %*”.

Bản cáo trạng số 124/CT/KSHH, ngày 02-11-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu H về tội “Làm nhục người khác” và tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 155 và điểm e, khoản 2, Điều 157 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phạm Văn L đã phạm về tội “Làm nhục người khác” theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 155 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và bị cáo Phạm Văn L khai nhận toàn bộ Hnh vi phạm tội như nội dung vụ án và nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo H, ông T1, bà T2 và ông Nghị nhất trí về việc bị cáo cùng người đại diện theo pháp luật tự nguyện bồi thường cho bị hại cháu T3 số tiền 5.000.000 đồng còn lại. Bị cáo L, ông T, bà M và ông Nghị nhất trí về việc bị cáo L cùng ông T và bà M đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng, nay không có ý kiến gì khác.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng H khẳng định quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H và bị cáo Phạm Văn L như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội “Làm nhục người khác” và tội “Giữ người trái pháp luật”. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 155; điểm e khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm i, khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101; Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “Làm nhục người khác” và từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26-7-2021.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Làm nhục người khác”. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 155; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ 03 tháng tù đến 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc gáo nhựa màu đỏ; 01 (một) chiếc thắt lưng giả da nữ màu đen; 01 (một) đôi dép nữ giả da màu trắng, có in chữ “Zara woman”; 01 (một) đôi dép nhựa màu đen, có in chữ “Samdales”; 01 (một) chiếc khóa nhãn hiệu Việt Tiệp màu đen; 02 (hai) chìa khóa Việt Tiệp; 01 chiếc quần dài của nữ, màu đỏ; 01 (một) chiếc giẻ lau màu trắng, nhiều vết bẩn được làm bằng chiếc áo cốc tay nữ có cổ hình trái tim. Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nH nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen của Nguyễn Thị Thu H. Trả lại cháu Trần Thị Minh T5 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng; trả lại cháu Nguyễn Thị Mai H1 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu hồng; Trả lại anh Trần Ngọc N 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Star, màu đen, viền xanh.

Về trách nhiệm bồi thường: Đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện bồi T5ờng giữa bị cáo L và người đại diện theo pháp luật của bị cáo L là bà M với người đại diện theo pháp luật cho cháu T3 là anh P về việc bà M đã bồi thường cho cháu T3 số tiền là 10.000.000 đồng, ông P và cháu T3 không yêu cầu bị cáo L và người đại diện theo pháp luật của bị cáo L phải bồi thường thêm bất kỳ khoản tiền nào khác, đây là sự tự nguyện thỏa thuận không trái đạo đức và pháp luật nên đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận này. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo H và người đại diện theo pháp luật của bị cáo H về việc bị cáo và người đại diện theo pháp luật đã tự nguyện bồi thường cho cháu T3 số tiền là 5.000.000 đồng; chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo H và người đại diện theo pháp luật về việc bị cáo và gia đình tự nguyện bồi thường cho cháu T3 số tiền là 5.000.000 đồng còn lại; các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo H và người đại diện theo pháp luật phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người đại diện theo pháp luật và bào chữa cho bị cáo H và L đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo H, đề nghị HĐXX cho bị cáo L được cải tạo tại địa p H1.

Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho cháu T3 đề nghị HĐXX căn cứ các quy định của pháp luật xét xử các bị cáo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, đề nghị HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo H và người đại diện theo pháp luật của bị cáo H về việc bị cáo và người đại diện theo pháp luật tự nguyện bồi T5òng số tiền 5.000.000 đồng còn lại cho cháu T3.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các Hnh vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo, bị hại, đại diện bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, người đại diện theo pháp luật, người bào chữa cho các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại gì. Do đó, các Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Bị hại và đại diện bị hại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra những người này đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến Hnh xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai của các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Phạm Văn L tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản tiếp nhận tin; Biên bản ghi lời khai của Nguyễn Thị Bích T7; Đơn đề nghị và Biên bản ghi lời khai của bị hại cháu Vũ Thị Hoài T3; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường do Công an huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình lập ngày 24-7-2021; Các biên bản kiểm tra điện thoại, các tài liệu trích xuất, in từ các điện thoại của Nguyễn Thị Thu H, Trần Thị Minh T5, Nguyễn Thị Mai H1; Bản kết luận số 103/KLGĐĐT-PC09 ngày 17-9-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Bản kết luận giám định pháp y về T3 tích số 168/21/TgT ngày 29-7-2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Bình; Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 18/TD ngày 29-7-2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Bình; Lời khai của người làm chứng cháu Trần Thị Minh T5, Nguyễn Thị Mai H1, anh Trần Ngọc N, anh Nguyễn Nam C, anh Đỗ Thành S; cháu Trần Thị H cùng các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 22-7-2021, tại phòng trọ ở tổ dân phố Thị Độc, thị trấn Hưng H, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình; bị cáo Nguyễn Thị Thu H cùng Trần Thị Minh T5, Nguyễn Thị Mai H1 có Hnh vi dùng chân tay, dùng dép, thắt lưng da đánh gây T3 tích; bắt ngậm quần và giẻ bẩn; đổ bột giặt lên đầu, mặt và bắt cháu Vũ Thị Hoài T3 cởi quần áo đang mặc trên người, đứng dơ tay lên đầu, quỳ xuống nền nh để Nguyễn Thị Thu H, Phạm Văn L quay video. H đăng tải các đoạn video lên mạng xã hội facebook, mục đích xúc phạm nhân phẩm, danh dự của Vũ Thị Hoài T3 (15 tuổi 02 tháng 18 ngày). Sau đó, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Mai H1, Trần Thị Minh T5 dùng chiếc khóa để khóa cửa nhốt, giữ Vũ Thị Hoài T3 trong phòng trọ để T3 không bỏ trốn ra ngoài.

Hnh vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã phạm vào tội “Làm nhục người khác” và tội “Giữ người trái pháp luật”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 155 và điểm e, khoản 2, Điều 157 Bộ luật Hình sự. Hnh vi nêu trên của bị cáo Phạm Văn L phạm vào tội “Làm nhục người khác”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 155 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định như sau:

Điều 155. Tội làm nhục người khác

1. Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

a);

e) Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, ph1 tiện điện tử phạm tội;

....;

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm Hnh nghề hoặc làm công việc N định từ 01 năm đến 05 năm.

Điều 157. Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật

“1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a);

e) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ N định từ 01 năm đến 05 năm”.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu H về tội “Làm nhục người khác” và tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 155 và điểm e, khoản 2, Điều 157 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phạm Văn L phạm về tội “Làm nhục người khác” theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 155 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về vai trò đồng phạm: Đối với hành vi “Làm nhục người khác”, đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo H là người thực hành vi tích cực nên xếp vai trò thứ N, bị cáo L có vai trò giúp sức nên xếp vai trò sau bị cáo H trong vụ án.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: hành vi “Làm nhục người khác” mà các bị cáo H và L thực hiện đã xâm phạm đã trực tiếp đến Q được bảo vệ về danh dự, nhân phẩm của con người; hành vi “Giữ người trái pháp luật” mà bị cáo H thực hiện đã xâm phạm trực tiếp đến quyền tự do của con người, hành vi của các bị cáo gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Tội phạm “Giữ người trái pháp luật” mà bị cáo H thực hiện thuộc loại tội nghiêm trọng, tội phạm mà bị cáo L thực hiện thuộc loại tội ít nghiêm trọng.

[6] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Các bị cáo có nhân thân tốt và thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn tỏ ra ăn năn, hối cải; Trước thời điểm mở phiên tòa, bị cáo H cùng người đại diện theo pháp luật của bị cáo H đã tự nguyện bồi thường cho bị hại cháu T3 số tiền 5.000.000 đồng. Vì vậy bị cáo H được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo cùng người đại diện theo pháp luật đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại cháu T3 số tiền 10.000.000 đồng; gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Vì vậy bị cáo L được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều được áp dụng các quy định tại chương XII Bộ luật hình sự. Các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận xét trên, HĐXX cần phải áp dụng hình phạt tù theo quy định của khung hình phạt, tiếp tục cách ly các bị cáo khỏi cuộc sống ngoài xã

hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và có tính chất răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét áp dụng mức hình phạt theo quy định tại Điều 101 chương XII Bộ luật hình sự để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

[7] Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Mai H1, Trần Thị Minh T5 dùng chân tay, dép, dây thắt lưng da đánh gây tổn hại sức khỏe 01 % cho Vũ Thị Hoài T3; bắt ngậm quần và giẻ bẩn; đổ bột giặt lên đầu, mặt và bắt T3 cởi quần áo đang mặc trên người, đứng dơ tay lên đầu, quỳ xuống nền nh để H, L quay video. H đăng tải các đoạn video lên mạng xã hội Facebook, mục đích xúc phạm nhân phẩm, danh dự của T3. Sau đó, H, H1, T5 dùng chiếc khóa để khóa cửa nhốt, giữ T3 trong phòng trọ để T3 không bỏ trốn ra ngoài. Hành vi gây tổn hại sức khỏe của cháu T3 có dấu hiệu của tội “Cố ý gây T3 tích”; “Làm nhục người khác” và “Giữ người trái pháp luật”. Tuy nhiên, Vũ Thị Hoài T3 và người đại diện theo pháp luật cho cháu T3 là ông Vũ Văn P có đơn không yêu cầu khởi tố và miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người đã gây T3 tích cho T3. Việc T3 và ông P làm đơn không yêu cầu khởi tố và miễn truy cứu trách nhiệm hình sự là hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm thực hiện hành vi trên H1 (14 tuổi 06 tháng 21 ngày) và T5 (15 tuổi 11 tháng), không đủ yếu tố cấu thành tội “Làm nhục người khác” và “Giữ người trái pháp luật”. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình đã xử phạt vi phạm Hành chính đối với Nguyễn Thị Thu H về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe người khác”. Ủy ban nhân dân xã Hồng An và Ủy ban nhân dân xã Hồng Minh, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã trong thời hạn 03 tháng đối với T5 và H1 là đúng với quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Nam C đã có Hành vi quan hệ tình dục (giao cấu) với Vũ Thị Hoài T3 tại phòng nghỉ số 202 nhà nghỉ Nữ Hoàng ở tổ dân phố Chàng 2, thị trấn Hưng H, huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình vào ngày 21-7-2021; việc giao cấu giữa hoàn toàn tự nguyện, không có sự cưỡng ép hay dùng vũ lực. Tại thời điểm thực hiện hành vi, C (17 tuổi 8 tháng 21 ngày). Hành vi của Nguyễn Nam C không đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại Điều 145 Bộ luật Hình sự nên cơ quan điều tra không khởi tố đối với Nguyễn Nam C là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với chị Đinh Thị Thành là chủ nhà trọ, chị Thành cho bị cáo H thuê trọ nhưng không biết H sử dụng nhà trọ để giữ T3 ở trong phòng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình không xử lý đối với chị Thành là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về vật chứng của vụ án: trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra có thu giữ: 01 (một) chiếc gáo nhựa màu đỏ; 01 (một) chiếc thắt lưng giả da nữ màu đen; 01 (một) đôi dép nữ giả da màu trắng, có in chữ “Zara woman”; 01 (một) đôi dép nhựa màu đen, có in chữ “Samdales”; 01 (một) chiếc khóa nhãn hiệu Việt Tiệp màu đen; 02 (hai) chìa khóa Việt Tiệp; 01 chiếc quần dài của nữ, màu đỏ; 01 (một) chiếc giẻ lau màu trắng, nhiều vết bẩn được làm bằng chiếc áo cộc tay nữ có cổ hình trái tim, đây là những vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen thu của Nguyễn Thị Thu H, đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách NH nước.

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng (thu của cháu T5), 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu hồng (thu của cháu H1) và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Star, màu đen, viền xanh (thu của cháu N). Đây là tài sản của các cháu T5, H1 và N nên cần trả lại cho các cháu T5, H1 và N.

[9] Về trách nhiệm bồi thường: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cháu T3 và ông P yêu cầu bị cáo H và bị cáo L phải bồi thường các khoản tiền: tổn thất tinh thần cho cháu T3, tiền xe đi lại, tiền thuê nhà nghỉ với số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Bị cáo L và bị cáo H và người đại diện theo pháp luật của các bị cáo N trí bồi thường cho cháu T3 số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 15-11-2021, người đại diện theo pháp luật của bị cáo L đã tự nguyện bồi thường cho cháu T3 và anh P số tiền là 10.000.000 đồng, anh P và cháu T3 không yêu cầu bị cáo L và người đại diện theo pháp luật của bị cáo L phải bồi thường thêm bất kỳ khoản tiền nào khác, đây là sự tự nguyện thỏa thuận không trái đạo đức và pháp luật nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận này. Tại phiên tòa, bị cáo H và ông T1, bà T2 N trí bồi thường cho cháu T3 số tiền 10.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện không trái đạo đức và pháp luật nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện thuận. Trước thời điểm xét xử, ông T1 và bà T2 đã nộp số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001266, ngày 26-11-2021 tại Chi cục thi Hình án dân sự huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình, bị cáo H là người chưa thành niên, không có tài sản riêng nên ông T2 và bà T1 là người đại diện theo pháp luật phải bồi thường số tiền còn lại là 5.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, ông T1 và bà T2 phải chịu tiền án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[10] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo H là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Xét đề nghị về phần hình phạt của người bào

chữa đối với bị cáo L không phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không chấp nhận. Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là phù hợp nên cần chấp nhận.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội “Làm nhục người khác” và tội “Giữ người trái pháp luật”. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Làm nhục người khác”.

2. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 155; điểm e khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm i, khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101; Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 09 tháng tù về tội “Làm nhục người khác” và 02 năm tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 26-7-2021.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 155; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc gáo nhựa màu đỏ; 01 (một) chiếc thắt lưng giả da nữ màu đen; 01 (một) đôi dép nữ giả da màu trắng, có in chữ “Zara woman”; 01 (một) đôi dép nhựa màu đen, có in chữ “Samdales”; 01 (một) chiếc khóa nhãn hiệu Việt Tiệp màu đen; 02 (hai) chìa khóa Việt Tiệp; 01 chiếc quần dài của nữ, màu đỏ; 01 (một) chiếc giẻ lau màu trắng, nhiều vết bẩn được làm bằng chiếc áo cộc tay nữ có cổ hình trái tim. Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nH nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu đen , số Imel 359410085871455, máy lắp 01 sim số thuê bao 0346218466, có ốp nhựa màu đen, in hình hoa văn màu trắng. Trả lại cháu Trần Thị Minh T5 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, số Imel 35854067632538, máy lắp 01 sim thuê bao 0345320216, có ốp nhựa trong suốt, viền đen; trả lại cháu Nguyễn Thị Mai H1 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, màu hồng, số Imel 355432073236164, máy lắp 01 sim số thuê bao 0778206563, có ốp nhựa trong suốt; Trả lại anh Trần Ngọc N 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Star, màu đen, viền

xanh, vỏ lưng trong suốt, số Imel 1: 356742100928669, số Imel 2: 356742100928677, máy có lắp 01 sim số thuê bao 0912217880.

Toàn bộ vật chứng của vụ án hiện đang do Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02-11-2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng H và Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình.

4. Về trách nhiệm bồi thường: Áp dụng các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 592 Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo Phạm Văn L và người đại diện theo pháp luật của bị cáo L (ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị M) với cháu Vũ Thị Hoài T3 và người đại diện theo pháp luật cho cháu T3 là ông Vũ Văn P về việc bị cáo L và người đại diện theo pháp luật của bị cáo đã bồi thường cho cháu T3 số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), ông P và cháu T3 không yêu cầu bị cáo L và ông T, bà M phải bồi thường thêm bất kỳ khoản tiền nào khác. Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Thị Thu H và người đại diện theo pháp luật của bị cáo H (ông Nguyễn Tụ T1 và bà Dương Thị T2) về việc bị cáo H và ông T1, bà T2 tự nguyện bồi thường cho cháu T3 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), đã bồi thường được số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001266, ngày 26-11-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng H, tỉnh Thái Bình; ông T1 và bà T2 còn phải bồi thường cho cháu T3 số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ nếu bị cáo không thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị Thu H và bị cáo Phạm Văn L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Tụ T1 và bà Dương Thị T2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Phạm Văn L, ông Nguyễn Tự T1, bà Dương Thị T2, ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị M, ông Đào Quang Nghị và bà Trần Thị Liễu có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Cháu Vũ Thị Hoài T3 và ông Vũ Văn P; cháu T5, bà M1, cháu H1, ông Thanh, cháu N và ông Q vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- Công an huyện Hưng H;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND huyện Hưng H;
- Chi cục THADS huyện Hưng H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ T1 phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bích Thủy

